

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022 /DS-ST
Ngày 27 tháng 5 năm 2022
*Về việc “Tranh chấp hợp
đồng hợp tác bán hàng và
kiện đòi tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường

Các hội thẩm nhân dân: 1, Ông Nguyễn Văn Tư

2, Bà Nguyễn Thị Vượng.

Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Thế Thiện - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang không tham gia phiên tòa do xét thấy vụ án không thuộc trường hợp viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2022/TLST-DS ngày 17/01/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng hợp tác bán hàng và kiện đòi tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2022/QĐST-DS ngày 27/4/2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Lê Thị M, sinh năm 1974. Địa chỉ: Số 260 đường Lý Thái Tổ, khối 4, phường An Hòa, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

(vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Q, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số 335 Trung Văn, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** Bị đơn:** Công ty cổ phần liên minh tiêu dùng Việt Nam.

Người đại diện: Ông Nguyễn C, chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ trụ sở chính: N24, Khu dân cư sỹ quan Quân đoàn 2, đường Hoàng Văn Thụ kéo dài, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ chi nhánh: Số 15 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/01/2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị M và người đại diện theo ủy quyền của bà M là ông Hoàng Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến trình bày như sau:

Ngày 08/9/2015 bà Lê Thị M và Công ty cổ phần liên minh tiêu dùng Việt Nam (viết tắt là Công ty) ký hợp đồng hợp tác bán hàng số 0006103/HĐ-LMTD.

Tuy nhiên, để tham gia ký kết hợp đồng trên với tư cách là cộng tác viên, Công ty yêu cầu bà M phải mua các gói sản phẩm cụ thể như sau:

Sau khi ký hợp đồng, bà M đã đặt mua gói sản phẩm tại thị trường Quảng Trị, giá sản phẩm là 9.888.000đồng/sản phẩm. Tổng số tiền của bà M đã mua của Công ty là 1.611.744.000đồng. Bà M có nộp tiền vào Công ty, Công ty viết và đưa cho bà M 02 Phiếu đặt hàng nhưng Công ty không viết cho bà M phiếu thu. Phiếu đặt hàng có seri số 0052445 thành tiền là 919.584.000đồng; phiếu đặt hàng có số seri 0052446 thành tiền là 692.160.000đồng. Tại phiếu đặt hàng không ghi cụ thể số lượng hàng và đơn giá nhưng có ghi người mua nhận hàng gửi và lưu kho. Sau thời gian này bà M đến văn phòng đại diện của Công ty tại thị trường Quảng Trị để nhận hàng hóa nhưng Công ty không có hàng để gửi cho bà.

Nhận thấy Công ty có dấu hiệu làm ăn không minh bạch, bà M nhiều lần đến Công ty đề xin nhận hàng thì Công ty nói không có. Bà M được biết ngày 03/11/2016 Công ty bị Cục Quản lý cạnh tranh thuộc Bộ Công Thương ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp. Khi nhận được thông tin này bà M và nhiều người tham gia đã nhiều lần lên Văn phòng đại diện của Công ty tại Thị trường Quảng Trị để yêu cầu Công ty hoàn trả lại tiền nhưng không được giải quyết.

Nhận thấy Công ty đã có những hành vi vi phạm khoản 2 Điều 16 Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp nên bà M làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang buộc Công ty cổ phần liên minh tiêu dùng Việt Nam phải trả lại cho bà M số tiền 1.611.744.000 đồng tương đương với mã sản phẩm cụ thể như sau:

163 mã sản phẩm (tương đương 163 gói sản phẩm) x 9.888.000đồng = 1.611.744.000đồng.

Bị đơn là Công ty Liên minh tiêu dùng Việt Nam, do ông Nguyễn C, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Liên minh tiêu dùng Việt Nam là người đại diện theo pháp luật đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để viết bản tự khai và trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã niêm yết toàn bộ Thông báo thụ lý vụ án, thông báo

hòa giải, quyết định xét xử và các giấy tờ tố tụng khác của Tòa án tại nơi Công ty đăng ký trụ sở chính.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có thu thập tài liệu chứng cứ từ các vụ án khác do Cục Quản lý cạnh tranh nay là Cục cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng - Bộ Công thương cung cấp cho Tòa án tài liệu liên quan đến Công ty cổ phần liên minh tiêu dùng Việt Nam, bao gồm:

- Bản sao hồ sơ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp của Công ty.

- Bản sao hồ sơ sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp của Công ty.

- Bản sao Quyết định số 252/QĐ-QLCT ngày 03/10/2016 của Cục Quản lý cạnh tranh về việc xử lý vụ việc cạnh tranh đối với Công ty. Trong Quyết định có nội dung: Công ty Cổ phần Liên minh tiêu dùng Việt Nam không làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp khi có thay đổi, bổ sung liên quan đến Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10, Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp; Công ty đã thực hiện hành vi ký Hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp không bao gồm đầy đủ thông tin theo quy định của pháp luật, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện hành vi ký Hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp với cá nhân không đủ điều kiện tham gia bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 19- Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ đào tạo cơ bản đối với người tham gia bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 20- Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện hành vi duy trì nhiều hơn một vị trí kinh doanh đa cấp, hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp, mã số kinh doanh đa cấp hoặc các hình thức khác tương đương đối với một người tham gia bán hàng đa cấp, vi phạm quy định tại điểm p khoản 1 Điều 5 Nghị định 42/2014/NĐ-CP. Công ty đã vi phạm các quy định của Nghị định 42 về bán hàng đa cấp và quá trình hoạt động bán hàng đa cấp, Công ty đã có nhiều sai phạm nên Cục quản lý cạnh tranh, Bộ Công thương đã ra Quyết định xử lý vi phạm pháp luật về cạnh tranh đối với Công ty. Ngoài hình thức phạt tiền, Cục quản lý cạnh tranh còn áp dụng hình phạt bổ sung và biện pháp khắc phục là “Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 36 Nghị định 71/2014/NĐ-CP ngày 21/7/2014 về quy định chi tiết Luật cạnh tranh”, Công ty cổ phần liên minh tiêu dùng Việt Nam không còn tư cách về mặt chủ thể để tham gia bán hàng đa cấp.

- Tòa án đã mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng hòa giải không thành vì bị đơn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự không tham gia phiên tòa của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang: Ngày 18/4/2022 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang có Công văn số 356/CV-VKS về việc không tham gia phiên tòa do vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án mà không có sự tham gia của Kiểm sát viên là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thấy: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án thì thấy: Ngày 08/9/2015 bà Lê Thị M và Công ty có ký hợp đồng hợp tác bán hàng số 0006103/HĐ-LMTD. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà M với Công ty là quan hệ dân sự giữa cá nhân không có giấy phép đăng ký kinh doanh với pháp nhân có giấy phép đăng ký kinh doanh về Tranh chấp hợp đồng hợp tác bán hàng và kiện đòi tài sản, các bên không tự giải quyết được tranh chấp, bà M làm đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết, đây là *“Tranh chấp về Tranh chấp hợp đồng hợp tác bán hàng và kiện đòi tài sản”*. Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần Liên minh tiêu dùng Việt Nam phải trả cho bà M số tiền 1.611.744.000 đồng tương đương 163 gói sản phẩm.

Ngày 08/9/2015 bà Lê Thị M và Công ty có ký hợp đồng hợp tác bán hàng số 0006103/HĐ-LMTD. Theo đó, bà M đã mua của Công ty 163 mã sản phẩm tương đương với 1.611.744.000 đồng. Bà M cho rằng quá trình thực hiện hợp đồng bà M chưa nhận được một mã sản phẩm nào từ Công ty.

Ngày 03/10/2016, cục quản lý cạnh tranh - Bộ Công thương có Quyết định về việc xử lý vụ việc cạnh tranh số 252/QĐ-QLCT đối với Công ty cổ phần Liên minh tiêu dùng Việt Nam. Tại Quyết định trên thì Công ty đã bị áp dụng hình phạt bổ sung và biện pháp khắc phục là thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 36 Nghị định 71/2014/NĐ-CP ngày 21/7/2014 về quy định chi tiết Luật cạnh tranh. Sau khi Công ty bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp, bà M cũng đã nhiều lần đến Công ty tại thị trường Quảng trị để lấy hàng và đòi tiền, nhưng không được giải quyết.

Chứng cứ bà M xuất trình để yêu cầu Công ty trả cho bà số tiền 1.611.744.000đồng là 02 phiếu đặt hàng. Mặc dù bà M không có Đơn đề nghị tự nguyện gửi hàng hóa, không ghi số lượng hàng hóa là bao nhiêu gói sản phẩm mà chỉ ghi thành tiền. Tuy nhiên, căn cứ vào nội dung trong phiếu đặt hàng có ghi “Người mua nhận hàng gửi và lưu kho. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp và điểm c khoản 2 Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BCT ngày 30/7/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp.

[3] Về án phí: Yêu cầu của bà Lê Thị M được chấp nhận, do vậy Công ty cổ phần liên minh tiêu dùng Việt Nam phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà M không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 và 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 280, Điều 356, Điều 357 của Bộ luật dân sự. Căn cứ khoản 2 Điều 16 Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp. Căn cứ Điều 12, khoản 1 và 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M.

Buộc Công ty cổ phần liên minh tiêu dùng Việt Nam phải trả cho bà Lê Thị M số tiền là 1.611.744.000đồng (*Một tỷ sáu trăm mười một triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*).

2. Về án phí: Công ty cổ phần liên minh tiêu dùng Việt Nam phải chịu 60.352.320đồng (*Sáu mươi triệu ba trăm năm mươi hai nghìn ba trăm hai mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Lê Thị M số tiền 30.176.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0001326 ngày 13/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của

người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

6. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKS TP Bắc Giang,
- CCTHA dân sự TP Bắc Giang,
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Trường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)